



**QUY CHẾ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**



Hà Nội, tháng 12/2022

**QUY CHẾ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA TỔNG CÔNG TY CP BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

(Ban hành theo Nghị quyết số 131-1/2022/QĐ-PTI-CTHĐQT của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện ngày 15/12/2022)

Điều 1. Mục đích

Quy chế công bố thông tin của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (“Quy chế”) được ban hành để quy định về việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán, nhằm mục đích công khai các thông tin về quản lý, hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông Công ty, đồng thời thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin được đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- 2.1 Quy chế này áp dụng đối với các Khối, Ban, Đơn vị, Người được ủy quyền công bố thông tin, và các cá nhân thực hiện các công việc liên quan đến công bố thông tin hoặc có liên quan đến các hoạt động cần phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- 2.2 Quy chế này áp dụng đối với hoạt động báo cáo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 2.3 Quy chế này không áp dụng đối với hoạt động báo cáo và công khai thông tin theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ, từ viết tắt

- 3.1 “Tổng Công ty” hoặc “PTI”: là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
- 3.2 “Bộ phận phụ trách”: được hiểu là Khối, Phòng, Ban, Đơn vị phụ thuộc, Văn phòng đại diện hoặc bộ phận nào khác của Tổng Công ty.
- 3.3 “Bộ phận hành chính”: là Bộ phận chịu trách nhiệm tiếp nhận thông tin chung của Tổng Công ty, xử lý văn bản đi và văn bản đến, cấp số thứ tự văn bản, vào sổ theo dõi điện tử, đóng dấu văn bản, quản lý, lưu trữ văn bản đã được cấp số thứ tự và sử dụng con dấu theo quy định của Tổng Công ty trong từng thời kỳ.
- 3.4 “Người được ủy quyền CBTT” là cá nhân được Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty ủy quyền bằng văn bản thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- 3.5 “HĐQT”: là Hội đồng quản trị của Tổng Công ty.
- 3.6 “CBTT”: là công bố thông tin.
- 3.7 “CIMS”: là hệ thống tiếp nhận báo cáo và thông tin công bố của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với Công ty niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch.
- 3.8 “IDS”: là hệ thống nhận báo cáo và công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 3.9 “UBCKNN”: là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 3.10 “SGDCK”: là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- 3.11 “SGDCKHN”: là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 3.12 “VSDC”: là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
- 3.13 “Thông tư 96/2020/TT-BTC”: là Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 3.14 “Bộ phận phụ trách CBTT”: là bộ phận được giao trách nhiệm phụ trách, kiểm soát, giám sát hoạt động CBTT của Tổng Công ty.

Điều 4. Tiếp nhận yêu cầu công bố thông tin

Các yêu cầu công bố thông tin trong Tổng Công ty được tiếp nhận thông qua hệ thống email congbothongtin@pti.com.vn hoặc các hệ thống/phương tiện khác được Tổng Công ty xây dựng và triển khai theo từng thời kỳ.

Điều 5. Phương tiện CBTT, hình thức và phương thức chuyển thông tin công bố

5.1 PTI thực hiện CBTT trên các phương tiện CBTT bao gồm:

- Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty: Đăng tải thông tin trên Chuyên mục về “Thông tin cỗ đồng” trên trang thông tin điện tử pti.com.vn;
 - Hệ thống CBTT của UBCKNN: Thực hiện CBTT dưới hình thức gửi văn bản, dữ liệu điện tử và báo cáo điện tử qua hệ thống IDS;
 - Hệ thống CBTT của SGDCKHN: Thực hiện CBTT dưới hình thức gửi văn bản, dữ liệu điện tử và báo cáo điện tử qua hệ thống CIMS.
 - Hệ thống CBTT của SGDCK: Thực hiện CBTT/báo cáo dưới hình thức gửi văn bản, dữ liệu điện tử và báo cáo điện tử qua hệ thống CIMS.
 - Hệ thống CBTT của VSDC: Thực hiện CBTT dưới hình thức gửi văn bản, dữ liệu điện tử.
 - Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).
 - Trong một số trường hợp cụ thể theo quy định pháp luật khác hoặc theo nhu cầu của PTI, PTI thực hiện CBTT trên các phương tiện CBTT khác.
- 5.2 Trường hợp nghĩa vụ CBTT của PTI phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, PTI phải thực hiện CBTT trên Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Liền sau ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc, PTI thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật.
- 5.3. Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty phải có: (i) các nội dung về ngành, nghề kinh doanh, các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; (ii) chuyên mục riêng về quan hệ cỗ đồng, trong đó phải công bố: Điều lệ công ty, Quy chế CBTT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Quy chế này.
- 5.4. Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin công bố và phải đảm bảo để nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận với các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

Điều 6. Nguyên tắc báo cáo, CBTT

6.1 Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định tại Quy chế này, quy định pháp luật có liên quan và bảo đảm:

- a. Nếu có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Tổng Công ty phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
- b. Nếu có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, Tổng Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK.
- c. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

- sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thẻ liên quan đồng ý.
- 6.2 Việc báo cáo của Tổng Công ty phải đầy đủ, kịp thời và phản ánh chính xác tình hình thực tế của Tổng Công ty.
- 6.3 Tổng Công ty khi CBTT phải đồng thời báo cáo về nội dung thông tin công bố cho UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán của Tổng Công ty niêm yết, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố của Tổng Công ty bao gồm các thông tin cá nhân nêu tại điểm c khoản 6.1 Điều này và Tổng Công ty không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán của Tổng Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện CBTT.
- 6.4 Tổng Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:
- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty tối thiểu là 05 năm;
 - Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty tối thiểu là 05 năm.
- 6.5 Ngôn ngữ thực hiện CBTT là tiếng Việt. Trường hợp pháp luật quy định CBTT bồ sung bằng tiếng Anh, ngôn ngữ thực hiện CBTT bao gồm tiếng Việt và tiếng Anh theo quy định.
- 6.6 Số lượng văn bản CBTT phải đảm bảo đủ để thực hiện CBTT trên các phương tiện CBTT khác nhau và lưu giữ tại các bộ phận liên quan theo quy định tại Quy chế này.

Điều 7. Trách nhiệm CBTT

- 7.1 Việc công bố thông tin của Tổng Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Thông tư 96/2020/TT-BTC.
- 7.2 Việc CBTT theo quy định tại các văn bản khác và/hoặc công bố khác nhân danh PTI được ký bởi Đại diện theo pháp luật hoặc người được Đại diện theo pháp luật ủy quyền thực hiện CBTT theo các văn bản nội bộ của Tổng Công ty tùy từng thời điểm.
- 7.3 Tổng Công ty phải báo cáo, báo cáo lại về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Trong trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà cả Đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.
- 7.4 Người quản lý các bộ phận trong Tổng Công ty chịu trách nhiệm phân công nhân sự chủ động theo dõi các sự kiện phải CBTT theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các quy định khác có liên quan theo phạm vi công việc được phân công, phụ trách; chuẩn bị văn bản CBTT/báo cáo, tài liệu đính kèm để trình Đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền CBTT hoặc người được Đại diện theo pháp luật ủy quyền tùy theo loại văn bản công bố/báo cáo để ký theo quy định; phối hợp và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan một cách tích cực và kịp thời để đảm bảo việc CBTT của Công ty được thực hiện theo đúng quy định và đúng

thời hạn.

- 7.5 Đại diện theo pháp luật và Người được uỷ quyền CBTT có quyền và trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các bộ phận thực hiện nhiệm vụ liên quan đến CBTT. Bộ phận phụ trách CBTT có quyền và trách nhiệm thay mặt Đại diện theo pháp luật giám sát, nhắc nhở và yêu cầu các bộ phận phải thực hiện đúng quy định về CBTT và cung cấp các tài liệu liên quan đến CBTT. Tất cả các văn bản CBTT, báo cáo đều phải được các bộ phận liên quan gửi cho Bộ phận phụ trách CBTT 01 bản để giám sát.
- 7.6 Ngoại trừ những người đã được ủy quyền hoặc trường hợp được chấp thuận của Đại diện theo pháp luật, các nhân sự của PTI không được tự ý phát ngôn, tiết lộ hoặc công bố thông tin liên quan tới PTI cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào bằng bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, đồng thời, không được nhân danh PTI thực hiện các phát ngôn, phân tích, báo cáo, công bố thông tin ra công chúng có khả năng gây tổn hại đến uy tín của Tổng Công ty và/hoặc lợi ích của cổ đông/nhà đầu tư.

Điều 8. Các trường hợp Báo cáo, CBTT

Các trường hợp PTI thực hiện Báo cáo, CBTT theo quy định của pháp luật bao gồm:

- 8.1 CBTT định kỳ;
- 8.2 CBTT bất thường;
- 8.3 CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK;
- 8.4 Công bố thông tin về các hoạt động khác của Tổng Công ty;
- 8.5 CBTT về sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;
- 8.6 CBTT về giao dịch của người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ;
- 8.7 CBTT đối với các thông tin không bắt buộc phải công bố.

Điều 9. Công bố thông tin định kỳ

9.1. Thông tin định kỳ phải công bố

9.1.1. Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán:

Tổng Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

- a. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
- b. Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Tổng Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;
- c. Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm: Tổng Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

9.1.2. Báo cáo tài chính bán niên:

Tổng Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

- a. Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn

mục kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Tổng Công ty, được lập theo quy định của điểm a Khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

- b. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Tổng Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;
- c. Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:

Tổng Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp Tổng Công ty với tư cách là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

9.1.3 Báo cáo tài chính quý:

Tổng Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

- a. Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC.
- b. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Tổng Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;
- c. Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:

Tổng Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý; công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Tổng Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Tổng Công ty đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.

- d. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Điều này, Tổng Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát

xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

- e. Trường hợp Tổng Công ty là công ty mère của tổ chức khác hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại điểm d Khoản này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mère hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

9.1.4. Báo cáo tình hình quản trị Công ty:

Tổng Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

9.1.5. Báo cáo thường niên:

- a. Tổng Công ty phải lập Báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư 96/2020/TT-BTC và công bố báo cáo này trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- b. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

9.1.6. CBTT về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- a. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Tổng Công ty không quy định thời hạn dài hơn, Tổng Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- b. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

9.2. Trách nhiệm theo dõi và chuẩn bị nội dung CBTT định kỳ

- a. Bộ phận Kế toán chịu trách nhiệm chủ động theo dõi và chuẩn bị nội dung CBTT định kỳ quy định tại các Điều 9.1.1 đến 9.1.3 Quy chế này.
- b. Bộ phận Phụ trách CBTT chịu trách nhiệm chủ động theo dõi và chuẩn bị nội dung CBTT định kỳ quy định tại Điều 9.1.4 Quy chế này.
- c. Bộ phận được Ban lãnh đạo Tổng Công ty phân công (tùy theo kế hoạch hàng năm của Tổng Công ty) chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung CBTT định kỳ quy định tại Điều 9.1.5 Quy chế này.
- d. Bộ phận được Ban lãnh đạo Tổng Công ty phân công tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty (tùy theo kế hoạch hàng năm của Tổng Công ty) chịu trách nhiệm chủ động theo dõi và chuẩn bị nội dung CBTT định kỳ quy định tại Điều 9.1.6 Quy chế này.

Điều 10. CBTT theo yêu cầu:

- 10.1 Tổng Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Tổng Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - Có thông tin liên quan đến Tổng Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
- 10.2 Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tổng Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 11. CBTT bất thường

11.1 Thông tin phải công bố bất thường trong thời hạn 24 giờ

Tổng Công ty phải CBTT bất thường trong thời hạn 24 giờ và nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, các giải pháp khắc phục (nếu có) kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a. Tài khoản của Tổng Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
- b. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Tổng Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
- c. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
- d. Quyết định mua lại cổ phiếu của Tổng Công ty; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
- e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- f. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Tổng Công ty, con dấu của Tổng Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty; Quyết định tăng, giảm vốn Điều lệ;
- g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
- h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

- i. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Tổng Công ty;
 - j. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
 - Trường hợp Tổng Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Tổng Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
 - Trường hợp Tổng Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, tính từ thời điểm Tổng Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình;
 - Trường hợp Tổng Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Tổng Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Tổng Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;
 - k. Tổng Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Tổng Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty). Đồng thời, Tổng Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC ;
 - l. Quyết định mua, bán tài sản, góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc thực hiện các giao dịch khác có giá trị từ 10% trở lên tổng tài sản của Tổng Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Tổng Công ty là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;
 - m. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Tổng Công ty, người nội bộ của Tổng Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tổng Công ty;
 - n. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
 - o. Tổng Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
 - p. Trường hợp Tổng Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Tổng Công ty, Tổng Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
 - q. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng Công ty;
 - r. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
- 11.2 Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 11.1 Điều này, Tổng Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
- Đối với nội dung công bố thông tin nêu tại các điểm b, f, g, h, j, k, q Khoản 11.1 Điều này, ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Quy chế này, Thông tư 96/2020/TT-BTC, Tổng Công ty phải thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.
- 11.3 Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại

hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

- a. Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 9.1.6 Điều 9 Quy chế này.
 - b. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Tổng Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Tổng Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
- 11.4 Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu
- a. Tổng Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;
 - b. Tổng Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
- 11.5 Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Tổng Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.
- 11.6 Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Tổng Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

11.7 Trách nhiệm theo dõi và chuẩn bị nội dung CBTT bất thường

Tùy theo phạm vi công việc phụ trách hoặc được phân công, người quản lý các bộ phận trong Tổng Công ty chịu trách nhiệm phân công nhân sự chủ động theo dõi các sự kiện phải CBTT bất thường nêu trên. Khi có sự kiện cần CBTT bất thường phát sinh từ và/hoặc liên quan đến công việc của bộ phận nào, bộ phận đó phải ngay lập tức chuẩn bị văn bản CBTT và tài liệu kèm theo để trình ký theo thẩm quyền, phối hợp và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan cho Người được ủy quyền CBTT của Tổng Công ty để thực hiện việc CBTT bất thường theo đúng nội dung và thời hạn quy định.

Điều 12. CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK

- 12.1. Tổng Công ty phải CBTT theo yêu cầu trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK noi Tổng Công ty niêm yết trong các trường hợp sau đây:
- a. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b. Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
- 12.2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tổng Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

12.3. Bộ phận nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK phải ngay lập tức thông báo cho bộ phận Phụ trách CBTT của Tổng Công ty để kịp thời tổ chức phối hợp với các bộ phận liên quan chuẩn bị nội dung CBTT theo yêu cầu trong thời hạn quy định.

Điều 13. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty

13.1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Tổng Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

Bộ phận được Ban lãnh đạo Tổng Công ty phân công tổ chức, triển khai đợt chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng của Tổng Công ty (tùy theo kế hoạch của Tổng Công ty tại từng thời kỳ) chịu trách nhiệm chủ động theo dõi và chuẩn bị nội dung CBTT theo quy định tại Điều này.

13.2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tổng Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổng Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

13.3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình

Trường hợp Tổng Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình.

Trường hợp Tổng Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Tổng Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 14. CBTT về sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng

14.1. Trường hợp PTI hoặc PTI cùng nhóm người có liên quan (gọi chung là PTI) sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc là nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng khi không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng phải CBTT và báo cáo về giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng cho công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng) theo mẫu quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng.

14.2. Trường hợp PTI hoặc PTI cùng nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc là nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết, PTI hoặc PTI cùng nhóm người có liên quan phải CBTT và báo cáo

cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng) và công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi theo mẫu quy định.

- 14.3. Quy định tại Điều 14.1 và Điều 14.2 không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc công ty đại chúng phát hành thêm cổ phiếu.
- 14.4. Trường hợp PTI nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của PTI, PTI phải công bố trên trang thông tin điện tử của PTI trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu đó.
- 14.5. Bộ phận phụ trách thực hiện giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu, chứng chỉ quỹ nêu tại Điều này của PTI chịu trách nhiệm thông báo và chuẩn bị nội dung CBTT cùng tài liệu đính kèm gửi cho Người được ủy quyền CBTT để thực hiện việc CBTT kịp thời theo quy định pháp luật.
- 14.6. Bộ phận hành chính hoặc bộ phận có liên quan của Tổng Công ty khi nhận được báo cáo quy định tại Điều này có trách nhiệm thông báo cho Bộ phận Phụ trách CBTT để đăng tải thông tin lên trang thông tin điện tử của Công ty để công bố theo đúng quy định.

Điều 15. CBTT về giao dịch của người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ

- 15.1. Trường hợp PTI là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng hoặc quỹ đại chúng, khi giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng đó, PTI phải thực hiện CBTT như sau:
 - a. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, PTI phải CBTT và báo cáo theo mẫu quy định cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác). Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán;
 - b. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, Công ty phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.
- 15.3. Trường hợp PTI là công ty nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, PTI phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo.

15.4. Bộ phận phụ trách thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng mà PTI là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng đó nêu tại Điều 15.1 chịu trách nhiệm thông báo và chuẩn bị nội dung CBTT cùng tài liệu đính kèm gửi cho Người được ủy quyền CBTT để thực hiện việc CBTT kịp thời theo quy định pháp luật.

15.5. Bộ phận Hành chính hoặc bộ phận khác có liên quan của Tổng Công ty khi nhận được báo cáo quy định tại Điều 15.3 có trách nhiệm thông báo cho Bộ phận Phụ trách CBTT để Bộ phận Phụ trách CBTT kiểm soát việc đăng tải thông tin lên website của Công ty để công bố theo đúng quy định.

Điều 16. CBTT đối với các thông tin không bắt buộc công bố

16.1 Ngoài các thông tin phải công bố theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các văn bản điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty, PTI có thể công bố các thông tin khác khi thấy cần thiết, bao gồm: thông tin về Tổng Công ty, thông tin về các sản phẩm, dịch vụ của Tổng Công ty, thông tin hướng dẫn khách hàng, thông tin tuyển dụng, các thông tin về doanh nghiệp, thị trường và các phân tích mà PTI có và quyết định công bố ra công chúng.

16.2. Việc công bố những thông tin này có thể được thực hiện theo các hình thức đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty, đưa lên bảng thông báo tại trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, gửi thư qua đường bưu điện hoặc thư điện tử, gửi fax, gửi tin nhắn v.v.

Điều 17. Khen thưởng và kỷ luật

17.1. Bất cứ Người nào vi phạm bất kỳ quy định nào của Quy chế này sẽ phải chịu các hình thức kỷ luật phù hợp theo quyết định của Tổng Công ty và chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại phát sinh gây ra cho Tổng Công ty.

17.2. Người nào phát hiện thông tin và có báo cáo nhanh chóng, kịp thời cho Tổng Công ty, góp phần quan trọng vào việc ngăn chặn được các thiệt hại, tổn thất, rủi ro có thể gây ra cho Tổng Công ty thì sẽ được khen thưởng kịp thời.

Điều 18. Thi hành

18.1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được ký ban hành và được công bố lên trang thông tin điện tử của Công ty.

18.2. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và Điều lệ của Tổng Công ty thì các quy định trong Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng. Các vấn đề không được quy định trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định của UBCKNN, SGDCK và/hoặc VSDC.

18.3. HĐQT, Ban lãnh đạo quản trị chiến lược, Ban Điều hành, các Bộ phận, Phòng, Ban và Nhân sự của Công ty có trách nhiệm thực hiện đúng Quy chế này.